

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày 23/01/2018

“*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Xuân Hòa.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: ông Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2016/TLST-TCDS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐST-TCDS ngày 10 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H– sinh năm 1976

Nơi cư trú: thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Xuân T– sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Chị Phan Thị H– sinh năm 1975

Nơi cư trú: thôn T, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Ngô Thị H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/8/2011 chị Ngô Thị H có cho anh Phan Xuân T mượn 95.000.000 đồng và 1,2 cây vàng 9999. Khi mượn anh T hứa qua năm 2012 sẽ trả lại toàn bộ số tiền và vàng đã vay. Nhưng đến hết năm 2012 anh T không trả như đã thỏa thuận nên đến năm 2013 sau nhiều lần chị H đến đòi nợ thì anh T có trả được 40.000.000 đồng và 01 cây hai vàng. Còn lại số tiền 55 triệu đồng anh T hứa sẽ trả trong thời gian sớm nhất và hai bên viết giấy cam kết và ký giao nhận. Nhưng từ đó cho đến nay chị H đã dùng mọi biện pháp để yêu cầu anh T trả nợ nhưng anh không trả. Quá trình giải quyết vụ án chị H cung cấp cho Tòa án 01 đoạn băng ghi âm hai bên thống nhất anh T còn nợ chị H 55.000.000 đồng nhưng chị H cho anh T 5.000.000

đồng và chỉ yêu cầu anh T trả 50.000.000 đồng. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T trả số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Phan Xuân Ttrình bày: Anh và chị H có quan hệ quen biết nhau từ năm 2005, quá trình quen biết anh có vay tiền, vàng của chị H nhiều lần có viết giấy vay mượn và trả đầy đủ. Năm 2013 sau khi chị H biết anh T chuẩn bị cưới vợ nên đã yêu cầu anh viết giấy biên nợ và hẹn ngày trả. Anh đã viết giấy nợ 1,2 cây vàng 9999, 01 nền đất trị giá 90.000.000 đồng và 32.000.000 đồng tiền mặt. Hẹn chậm nhất đến tháng 10/2013 sẽ trả hết cho chị H. Nhưng sau đó chị H đã thúc ép trả nợ nên ngày 25/4/2013 anh T đã vay mượn ngân hàng, bạn bè, người thân trong gia đình trả hết nợ cho chị H, chị H đã ký nhận đầy đủ vào trong giấy biên nợ và hiện nay không còn nợ chị H nữa. Về đoạn băng ghi mà chị H cung cấp là đoạn hội thoại giữa anh T và chị H nhưng anh T nói đoạn đi âm đó đã bị cắt ghép nhiều lần và thời gian đã lâu, trước khi anh trả hết nợ.

Người làm chứng chị Phan Thị H trình bày:

Chị Phan Thị H là chị gái của anh Phan Xuân T, quá trình anh T nợ tiền chị không biết, nhưng lúc chị H qua đòi nợ tại nhà và anh T đã trả hết nợ cho chị H và chị đã ký vào giấy làm chứng việc anh T trả hết nợ cho chị H, còn không rõ số tiền bao nhiêu. Quá trình ký vào giấy làm chứng chị không thấy có chữ khoảng trống nào trong giấy biên nhận nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến, quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự buộc anh Phan Xuân T phải trả cho chị Ngô Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình hòa giải, các bên không thống nhất được với nhau về số tiền nợ.

Tại phiên tòa, các bên đương sự giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là chị Ngô Thị H yêu cầu anh Phan Xuân T phải trả nợ số tiền 50.000.000 đồng. Xét thấy hợp đồng dân sự vay tài sản giữa chị H và anh T được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm pháp luật về hình thức và nội dung nên có giá trị và được pháp luật bảo vệ.

Chị H đã cung cấp giấy biên nhận tiền thể hiện ngày 20/8/2011 anh T có vay của chị H 95.000.000 đồng và 1,2 cây vàng 9999 để giải quyết công việc hứa năm 2012 sẽ trả đầy đủ. Nhưng hết năm 2012 anh T không trả nên chị H đã dùng mọi biện pháp để đòi nợ, năm 2013 anh T đã trả cho chị H được 40.000.000 đồng và 1,2 cây vàng 9999. Nay anh T còn nợ lại 55.000.000 đồng nhưng hai bên thống nhất thỏa thuận anh T chỉ trả chị H 50.000.000 đồng theo đoạn ghi âm. Đoạn ghi âm ngày 21/10/2015 đã thể hiện việc anh T nhận nợ của chị H.

Căn cứ vào giấy biên nợ ngày 18/01/2013 anh T cho rằng mình đã trả hết toàn bộ số tiền nợ cho chị H. Chị H đã ký nhận đầy đủ và có chị gái anh T ký làm chứng sự việc này tại nhà mình. Còn đoạn băng ghi âm anh T thừa nhận là lời nói của mình nhưng đoạn ghi âm đã bị cắt ghép chỉnh sửa và thời gian không đúng.

[4] Xét tính hợp pháp của giấy biên nhận nợ và đoạn ghi âm:

Ngày 12/6/2017 Tòa án nhân dân thị xã B đã trưng cầu giám định giấy biên nợ và đoạn ghi âm tại Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Quảng Bình nhưng ngày 10/7/2017 Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Quảng Bình chưa có phương pháp giám định trên lĩnh vực này nên không tiến hành giám định được. Ngày 11/7/2017 Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn tiếp tục trưng cầu giám định Viện khoa học hình sự, Bộ công an đối với giấy biên nợ và đoạn ghi âm.

Qua kết quả giám định đoạn ghi âm cho thấy Dữ liệu âm thanh trong 01 thẻ nhớ MicroSD 2GB màu đen, bên trong có chứa 01 file âm thanh: 20151021_164520.mp3 (Thời lượng 01 phút 40 giây) chứa nội dung ghi âm qua điện thoại di động ghi lại 01 cuộc hội thoại trao đổi về việc cho mượn tiền giữa hai bên. Qua giám định không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file ghi âm. File giám định thể hiện tạo ngày 02/3/2016. Căn cứ vào kết quả giám định số 333/C54(P6) ngày 26/10/2017 của Viện khoa học Hình Sự, Hội đồng xét xử thấy rằng đoạn đoạn hội thoại thể hiện việc xác định nợ số tiền 50.000.000 đồng giữa chị H và anh T là mạng tính liên tục, không cắt ghép chỉnh sửa. Quá trình giải quyết vụ án trước đây anh T cũng đã thừa nhận giọng nói trong đoạn hội thoại trên là giọng nói của anh T. Như vậy việc anh T cho rằng đoạn hội thoại được ghi âm trong thẻ nhớ MicroSD bị chị H chỉnh sửa, cắt ghép là không đúng. Về thời gian khởi tạo, theo kết luận giám định thì thời gian khởi tạo có thể chỉnh sửa, thay đổi. Qua tham khảo ý kiến

của cơ quan chuyên môn thì việc khởi tạo có thể thay đổi qua các lần sao chép thẻ nhớ MicroSD.

Đối với mẫu giám định giấy biên nợ về so sánh tuổi mực viết phòng giám định tài liệu, Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an kết luận không giám định được.

[5] Qua xác minh người làm chứng chị Phan Thị H, chị cho biết có ký vào giấy biên nợ làm chứng việc anh T đã trả hết nợ cho chị H nhưng chị không nhớ rõ thời gian và số tiền trả, và lúc ký cũng không chừa khoảng trống nào. Nhưng việc chị H là chị gái ruột anh T ký làm chứng là không khách quan và đoạn ghi âm vào năm 2015 đã phủ nhận hoàn toàn sự việc, anh T vẫn thừa nhận vẫn còn nợ tiền chị H.

[6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc anh Phan Xuân T trả nợ số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi:

Quá trình thu thập chứng cứ và lời khai của các đương sự cho thấy việc chị Ngô Thị H khởi kiện anh Phan Xuân T trả nợ số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ. Anh T cho rằng đã trả hết cho nguyên đơn căn cứ vào giấy biên nợ ngày 18/01/2013, trong giấy biên nhận nợ đã thể hiện anh T ký nhận toàn bộ số tiền. Nhưng đoạn băng ghi âm sau này đã phủ nhận lại giấy biên nhận, cụ thể đoạn ghi âm anh T đã thừa nhận còn nợ tiền chị H, hai bên còn thỏa thuận số tiền nợ là 50.000.000 đồng. Việc anh T căn cứ vào giấy biên nhận nợ để nói đã trả hết là không có cơ sở. Như vậy đã có cơ sở buộc anh Phan Xuân T trả cho chị Ngô Thị H số tiền nợ là 50.000.000 đồng. Ngoài ra anh Phan Xuân T phải chịu chi phí giám định số tiền 4.500.000 đồng

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị H không yêu cầu về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại trường THPT Lương Thế Vinh nơi anh T công tác thì ban giám hiệu nhà trường cho biết không có sự thúc ép, can thiệp đến việc buộc anh T trả nợ tiền chị H. Sau khi nhận được đơn tố cáo của chị H, Ban giám hiệu nhà trường đã tổ chức cuộc họp giữa các bên và giải quyết tháo gỡ vướng mắc, nếu anh T đang nợ tiền chị H thì yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, chứ không đe dọa, gây áp lực về công việc như anh T đã trình bày.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị H được chấp nhận nên anh Phan Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngô Thị H được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280; Điều 281; Điều 290; Điều 401; Điều 402; Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị H.

Buộc anh Phan Xuân T phải trả cho chị Ngô Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và 4.500.000 đồng tiền chi phí giám định. Tổng số tiền anh

Phan Xuân T phải trả cho chị Ngô Thị H là 54.500.000 đồng (Năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Phan Xuân T phải chịu 2.725.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại cho chị Ngô Thị H số tiền 1.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002707 ngày 22/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn chị Ngô Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/01/2017. Bị đơn canh Phan Xuân T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn